

MỘT ĐỜI ĐAM MÊ VĂN HỌC SỬ

■ TS. ĐỖ THU HIỂN



Là sinh viên khóa I (1956-1959) của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, GS, NGND Bùi Duy Tân thuộc thế hệ đầu tiên được chính “nền khoa học nội địa” đào tạo bài bản để trở thành những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông được giữ lại trường công tác, tổng cộng có trên 40 năm nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII ở Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (sau là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), trở thành một tên tuổi trong giới nghiên cứu văn học sử nước nhà.

Khởi nghiệp trong giai đoạn sơ khai của ngành nghiên cứu văn học sử hiện đại, Bùi Duy Tân cũng như đa phần các đồng nghiệp cùng thế hệ buộc phải tạm thời bỏ qua những vấn đề lý thuyết mang tính khái quát chưa phù hợp để lựa chọn một hướng đi hợp lý hơn là khảo và luận các tác gia, tác phẩm cụ thể. Ông cũng may mắn được tham gia một lớp học Hán Nôm đầu tiên tổ chức cho cán bộ giảng dạy và nghiên cứu trẻ của các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy đại học tại Hà Nội. Trải qua quá trình dài miệt mài tích lũy và làm việc, do hứng thú và sở trường cá nhân, đây là hướng đi chính và những đóng góp chủ yếu của ông đối với nền khoa học xã hội.

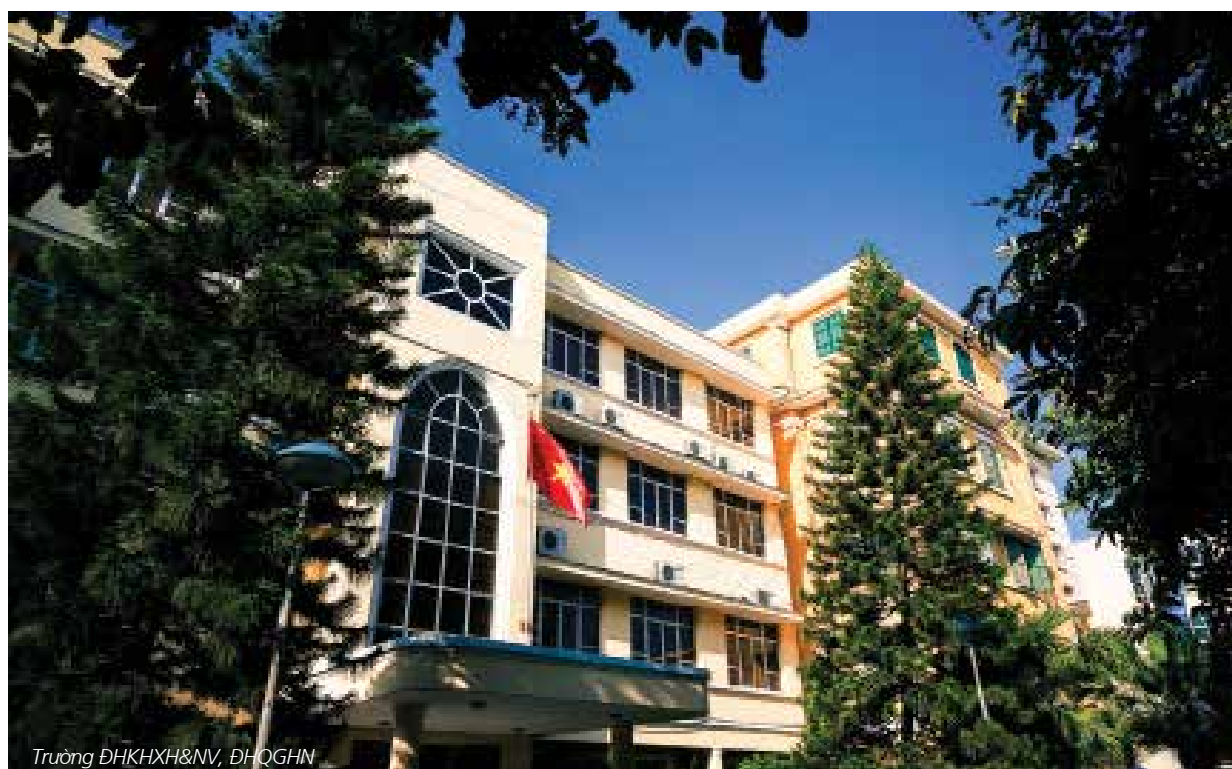
Có thể nói, tên ông là bảo chứng cho sự chắc chắn và đáng tin cậy của những tài liệu khảo cứu. Ông đã tiến hành khảo và định vị hàng loạt các tác giả của giai đoạn thế kỷ X - nửa đầu XVIII, từ các tên tuổi lớn như Nguyễn



"những khảo cứu của ông về các văn bản, từ ngữ cụ thể chứng tỏ một bản lĩnh học thuật vững vàng, luôn thận trọng đặt lại vấn đề đối với những xác tín đã trở thành hiển nhiên trong không chỉ giới nghiên cứu hay cả cộng đồng mà còn của chính bản thân ông."

Trái, Nguyễn Bình Khiêm đến Thái Thuận, Nguyễn Bảo, Phùng Khắc Khoan, Đào Duy Từ, Nguyễn Tông Quai, Mạc Thiên Tích... Công việc lặng thầm này không những giúp cho sự hình dung về nền văn học trung đại được toàn diện hơn mà còn làm cơ sở vững chắc các nghiên cứu của những người đi sau. Bên cạnh đó, những khảo cứu của ông về các văn bản, từ ngữ cụ thể chứng tỏ một bản lĩnh học thuật vững vàng, luôn thận trọng đặt lại vấn đề đối với những xác tín đã trở thành hiển nhiên trong không chỉ giới nghiên cứu hay cả cộng đồng mà còn của chính bản thân ông. Một trong những ví dụ tiêu biểu là vấn đề tác giả của bài thơ nổi tiếng mà chúng ta thường gọi là Nam quốc sơn hà. Dựa vào Đại Việt sử ký toàn thư và các tư liệu của các đồng nghiệp khác, ông đã viết một chùm bài lên tiếng đính chính tác giả của bài thơ này là Vô danh thị chứ không phải Lý Thường Kiệt như phần lớn chúng ta quen nghĩ. Việc bài thơ này vô danh hay của Lý Thường Kiệt ảnh hưởng khá lớn đến việc hiểu bài thơ thuộc giai đoạn khởi đầu của nền văn học viết của dân tộc. Điều này tưởng là vụn

vụn nhưng thực ra vô cùng quan trọng đối với ngành nghiên cứu văn học trung đại, thuộc về thời đại mà sự lưu trữ và lưu truyền văn bản có những đặc thù riêng. Cùng với phát hiện kể trên, ở công trình này, ông đã trả lại vị trí là tác phẩm đầu tiên của nền văn học viết Việt Nam cho bài thơ Nam quốc sơn hà thay vì Dự đại phá Hoàng Thao chi kế của Ngô Quyền. Ông cũng là một trong những người đã cố gắng đính chính một lỗi dịch sai suốt mấy chục năm mà chúng ta vô cùng tâm đắc: "Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo" được dịch sai là "Ức Trai lòng sáng như sao Khuê". Cách dịch sai này tuy rất được lòng số đông vì như một lời minh oan cho Nguyễn Trãi, nhưng lại là một cách ví von không quen thuộc và không có ý nghĩa trong thời trung đại. Cách dịch đúng phải là "Lòng Ức Trai rạng tỏa văn chương". Vì vai trò đặc biệt quan trọng của văn chương trong thời trung đại mà các triều đình phong kiến đề cao Nguyễn Trãi, đề cao tác động của văn chương của ông đối với nền chính trị - xã hội. Về Hội Tao đàn, ông cũng đã truy tìm các văn bản gốc ở thế kỷ XV đều không tìm thấy



Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

tài liệu nào ghi chép về sự kiện thành lập hội này cũng như danh xưng này. Ông đi đến kết luận rằng, đây là việc mà người đời sau (thế kỷ XIX) đặt ra. Phát hiện này có nhiều ý nghĩa đối với việc hiểu về hoạt động sáng tác văn chương cũng như những nguyên nhân của ý đồ “ngụy tạo” (nếu có) của người đời sau.

Trong số những công trình khảo cứu của ông, có thể kể đến mảng sách tuyển chọn các tác phẩm văn học trung đại. Văn học trung đại vẫn là một mảng khó tiếp cận đối với số đông độc giả, không chỉ bởi rào cản về ngôn ngữ, văn tự, khoảng cách về văn hóa giữa quá khứ và hiện tại mà còn vì những khó khăn trong việc tìm tư liệu tham khảo, đặc biệt là dạng sách tuyển chọn những tác phẩm nguyên gốc. Bùi Duy Tân không chỉ tham gia biên soạn những bộ sách lớn mang tính hàn lâm dành cho các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp như Tổng tập văn học Việt Nam (chủ biên tập 6, 7) mà còn thiết kế những bộ sách có giá trị nhằm tới đối tượng độc giả phổ thông hơn, mà đáng kể nhất là Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (Tập 1, 2, 3, NXB Giáo dục, 2004, 2008, 2009). Bộ sách có quy mô khá lớn, thu tóm được những tác phẩm đặc sắc của những tác giả tiêu biểu nhất trong khi

vẫn đảm bảo được khả năng bao quát diện mạo chung của văn học từng giai đoạn. Thừa hưởng được thành tựu của người đi trước, bộ sách lựa chọn những bản dịch thích đáng và những cách chú giải cập nhật. Có thể nói, bộ sách là một đóng góp của Bùi Duy Tân và các tác giả cho việc tìm hiểu về văn học trung đại của những người yêu thích văn chương nói chung.

Ở mảng luận, là người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy ở trường đại học trong nhiều năm, Bùi Duy Tân có nhiều thành tựu trong việc khái quát đặc điểm, khuynh hướng của các giai đoạn văn chương, tổng kết, tổng thuật các đề tài, vấn đề khoa học. Ông viết một phần giáo trình văn học Việt Nam thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII của Trường Đại học Tổng hợp (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1979), toàn bộ giáo trình Văn học Việt Nam thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998), nhiều bài khái quát và tổng thuật ở các công trình nghiên cứu lớn nhỏ về các giai đoạn và các tác giả văn học. Súc hấp dẫn trong các bài viết của ông không phải ở sự cầu kỳ hoa mỹ lối viết hay sự mới mẻ của lý thuyết mà tập trung vào độ chắc chắn của tư liệu, sự phong phú của thông tin, độ căn trọng của lập luận

và cách nhìn nhận các vấn đề đậm sâu của người đã ngâm văn chương cổ trong suốt cuộc đời.

Trong hàng ngàn trang sách mà ông đã công bố suốt sự nghiệp nghiên cứu của mình, chắc hẳn nhiều công trình sẽ vượt qua được sự thử thách của thời gian để tiếp tục đồng hành với giới nghiên cứu văn học trung đại. Kể cả sau khi đã nghỉ hưu, cho đến tận những năm cuối đời, ông vẫn làm việc không mệt mỏi để tiếp tục cho ra đời những công trình mới. Ông là một nhà nghiên cứu luôn mê mải với nghề, và là một nhà giáo luôn say sưa truyền lại cho các thế hệ sinh viên không chỉ kiến thức mà cả tình yêu vô bờ bến đối với công việc nghiên cứu văn chương và văn hóa cổ. Tôi thuộc lớp học trò giai đoạn cuối cùng còn được thụ học với ông, hình ảnh mà tôi nhớ mãi về thầy chính là ánh mắt lấp lánh và giọng nói sang sảng ở độ tuổi “cổ lai hi” vẫn hằng say trên giảng đường đình chính những vấn đề “Nam quốc sơn hà”, hội Tao đàn hay “Úc Trai tâm thượng quang khuê tảo”.